TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2023/DS-ST
Ngày: 08 - 6 - 2023
V/v "Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Châu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hứa Hoàng Thảo;

Ông Trần Lê Đăng Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà La Hồng Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 211/2022/TLST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2023/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 50/2023/QĐST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Đỗ Ngọc A, sinh năm 1973; (vắng mặt – có đơn xin vắng mặt)

1.2. Bà Nguyễn Thị Diễm T, sinh năm 1974; (có mặt)

Cùng nơi cư trú: Số B C, ấp T, thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Diễm T: Bà Bùi Trần Phú T1 là Luật sư của Văn phòng L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh A. (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm 1976; (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ A, ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Huỳnh Văn T2, sinh năm 1969; (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ G, ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

3.2. Văn phòng C1;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lục Văn T3 – Trưởng Văn phòng C1. (vắng mặt – có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số B T, thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang;

3.3. Công an tỉnh A. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số A T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Đỗ Ngọc A, bà Nguyễn Thị Diễm T (sau đây gọi tắt là ông A, bà T) trình bày:

Theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 21/2017/QĐST-DS ngày 03/02/2017 của Tòa án nhân dân (sau đây viết tắt là TAND) huyện P, tỉnh An Giang thì bà Nguyễn Thị Tuyết H (sau đây gọi tắt là bà H) có nghĩa vụ trả cho ông, bà số tiền 700.000.000 đồng, quyết định có hiệu lực pháp luật. Sau đó, bà H bán chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu KIA biển số 67C-002.69 của bà H cho ông Huỳnh Văn T2 (sau đây gọi tắt là ông T2), có lập hợp đồng mua bán xe ô tô ngày 27/02/2017 được chứng thực tại Văn phòng C1, huyện P, tỉnh An Giang và đã được Phòng Cảnh sát giao thông của Công an tỉnh A cấp giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 005031 ngày 14/3/2017 cho ông Huỳnh Văn T2. Ngày 05/7/2017 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang (sau đây viết tắt là Chi cục T) đã ra Quyết định cưỡng chế kê biên phương tiện giao thông số 41/QĐ-CCTHA đối với xe ô tô tải nhãn hiệu KIA biển số 67C-002.69. Ngày 24/5/2021, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang (sau đây viết tắt là Chi cục T) thông báo cho ông, bà khởi kiện yêu cầu tuyên bố giao dịch dân sự giữa bà H và ông T2 là vô hiệu. Vì bà H đã chuyển nhượng xe ô tô tải trên là để tẩu tán tài sản nhằm trốn tránh việc thi hành án cho vợ chồng bà và bà H không dùng tiền thu từ việc chuyển nhượng xe để trả nợ. Nay ông, bà yêu cầu tuyên bố Hợp đồng mua bán xe ô tô ngày 27/02/2017 giữa bà Nguyễn Thị Tuyết H (bên bán) với ông Huỳnh Văn T2 (bên mua) liên quan đến chiếc xe ô tô tải nêu trên vô hiệu.

Nếu ông T2 đồng ý tự nguyện hoàn trả cho vợ chồng ông bà số tiền 60.000.000đồng thì ông bà đồng ý cho ông T2 sở hữu xe ô tô tải đã nhận chuyển nhượng từ bà H nêu trên.

* Theo bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết H (sau đây gọi tắt là bà H) trình bày: Năm 2017, bà có bán chiếc xe ô tô tải biển số 67C-002.69 cho ông Huỳnh Văn T2 với giá 150.000.000 đồng, hợp đồng mua bán có công chứng vào tháng 02/2017; bà dùng số tiền 150.000.000 đồng trả cho Ngân hàng để lấy giấy tờ của chiếc xe ô tô tải màu trắng (đang thế chấp tại Ngân hàng). Tháng 4/2017, ông A và bà T có đơn yêu cầu thi hành án chiếc xe ô tô tải màu trắng để trừ bớt nợ. Đối với xe ô tô tải biển số 67C-002.69 đã bán cho ông T2 từ lâu nên bà không biết đến, bà xác định bán khoảng giữa năm 2016 nhưng vì ông T2 chưa trả đủ tiền đến năm 2017 mới làm hợp đồng

mua bán và sang tên xe. Đối với số tiền nợ còn lại của ông A và bà T khoảng 230.000.000đồng, bà xin trả dần do không còn tài sản.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn T2 (sau đây gọi tắt ông T2) trình bày:

Năm 2017, ông mua xe ô tô tải biển số 67C-002.69 của bà H, giá 150.000.000 đồng, hợp đồng mua bán có công chứng và Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh A cấp giấy chứng nhận (sau đây viết tắt là GCN) đăng ký xe ô tô cho ông vào ngày 14/3/2017. Nay ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông A và bà T.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng C1 (sau đây gọi tắt Văn phòng Công chứng) trình bày:

Nguyên ngày 27/02/2017, Văn phòng C1 có tiếp nhận và chứng nhận hồ sơ Hợp đồng mua bán xe ô tô giữa bên bán bà Nguyễn Thị Tuyết H và bên mua ông Huỳnh Văn T2 có nội dung: bà H bán đứt cho ông T2 chiếc xe ô tô con do bà đứng tên có nhãn hiệu KIA, màu xanh, biển số 67C-002.69, số máy JT613086, số khung: RNYKCB27TBC077467; loại xe tải nhỏ; giá mua bán là 100.000.000 đồng. Các bên đã ký tên và điểm chỉ vào Hợp đồng và đã được Công chứng viên chứng nhận cùng ngày. Tại thời điểm giao dịch mua bán chiếc xe trên Văn phòng Công chứng không nhận được bất kì thông tin ngăn chặn, kê biên nào liên quan đến tài sản giao dịch. Hợp đồng mua bán xe ô tô nêu trên hoàn toàn chính xác, hợp pháp. Các bên tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc hay lừa dối, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, đồng thời đã ký tên điểm chỉ vào hợp đồng trước mặt Công chứng viên. Đối chiếu với nội dung trên, hợp đồng mua bán xe ô tô số 140/2017 ngày 27/02/2017 do Công chứng viên Lục Văn T3 chúng nhận đã có hiệu lực và có giá trị chứng cứ để Tòa án xem xét giải quyết vụ án. Nay ông A, bà H khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng mua bán trên vô hiệu với lý do tài sản này bị kê biên, Văn phòng Công chứng yêu cầu giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công an tỉnh A trình bày:

Xe ô tô tải biển số 67C-002.69, nhãn hiệu Kia, số loại K3000S, số máy JT613086, số khung: RNYKCB27TBC077467 được đăng ký lần đầu ngày 29/4/2011 tại Phòng Cánh sát giao thông đường bộ do bà Nguyễn Thị Tuyết H, thường trú Tổ 10, ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang đứng tên sở hữu. Ngày 27/02/2017, bà Nguyễn Thị Tuyết H đã làm thủ tục sang tên xe ô tô tải trên cho ông Huỳnh Văn T2, thường trú ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang (hồ sơ, thủ tục hợp lệ, đúng quy định).

* Tại phiên tòa:

- Bà T trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bà không đồng ý với ý kiến của ông T2 xin được nhận xe ô tô tải đã mua của bà H và sẽ trả cho vợ chồng bà 30.000.000 đồng.

- Luật sư Bùi Trần Phú T1 trình bày ý kiến tranh luận để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà T: Bà H là người có nghĩa vụ trả cho bà T và ông A số tiền 700.000.000 đồng theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 21/2017/QĐST-DS ngày 03/02/2017 của TAND huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. Quyết định có hiệu lực pháp luật và được thi hành án, bà H không tự nguyện thi hành án mà còn lập hợp đồng bán xe ô tô tải hiệu KIA biển số 67C-002.69 cho ông T2 vào ngày 27/02/2017 với giá 150.000.000 đồng. Việc bà H bán xe cho ông T2 nhưng không trả nợ cho bà T là bà H đã thực hiện hành vi tẩu tán tài sản, trốn tránh việc thi hành án là trái pháp luật nên yêu cầu khởi kiện của bà T và ông A yêu cầu tuyên bố giao dịch mua bán xe ô tô giữa bà H và ông T2 vô hiệu là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận khởi kiện của bà T và ông A: tuyên bố Hợp đồng mua bán xe ô tô ngày 27/02/2017 giữa bà H và ông T2 vô hiệu; Hủy giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hiệu tải KIA biển số 67C-002.69 do Công an tỉnh A đã cấp cho ông T2 ngày 14/3/2017.

- Ông A: Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

- Bà H trình bày: Việc bà bán xe ô tô tải hiệu KIA biển số 67C-002.69 cho ông T2 đã hoàn tất, nên bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Thời điểm bà bán xe cho ông T2, bà không biết là không được bán khi bà đã có bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật buộc bà phải trả tiền cho nguyên đơn. Bà chỉ nghĩ tài sản riêng của bà thì bà được giao dịch.

- Ông T2 trình bày: Thời điểm ông nhận mua xe của bà H ông không biết về quy định pháp luật việc bà H đang phải thi hành án. Do đó, theo ông bản thân khi nhận chuyển quyền sở hữu xe ô tô của bà H là không sai. Để giải quyết việc tranh chấp này và theo nguyện vọng ông muốn sử dụng xe để làm từ thiện (cho chở thuốc nam), nên nếu nguyên đơn đồng ý thì ông sẽ trả cho nguyên đơn số tiền 30.000.000 đồng để được nhận xe.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Những người tham gia tố tụng: Các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Ngọc A và bà Nguyễn Thị Diễm T. Tuyên bố hợp đồng mua bán chiếc xe ô tô tải hiệu KIA biển số 67C-002.69 giữa bà Nguyễn Thị Tuyết H và ông Huỳnh Văn T2 vô hiệu. Hủy giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 005031 ngày 14/3/2017 của Phòng C2 Công an tỉnh A cấp cho ông Huỳnh Văn T2. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông Đỗ Ngọc A; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Văn phòng C1 do ông Lục Văn T3 – Trưởng Văn phòng có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt; Công an tỉnh A triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự có tên trên theo quy định tại khoản 1 và 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về phạm vi yêu cầu của đương sự: Nguyên đơn ông A, bà T yêu cầu tuyên bố Hợp đồng mua bán xe ô tô ngày 27/02/2017 giữa bà Nguyễn Thị Tuyết H (bên bán) với ông Huỳnh Văn T2 (bên mua) liên quan đến chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu KIA biển số 67C-002-69 vô hiệu, vì đây là tài sản bà H bán cho ông T2 khi đã có bản án có hiệu lực pháp luật và đã được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân kê biên để thi hành án cho nguyên đơn.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án trong phạm vi yêu cầu của đương sự.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn ông A, bà T khởi kiện yêu cầu tuyên bố Hợp đồng mua bán xe ô tô ngày 27/02/2017 giữa bà Nguyễn Thị Tuyết H (bên bán) với ông Huỳnh Văn T2 (bên mua) liên quan đến chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu KIA biển số 67C-002-69 được chứng thực tại Văn phòng C1, huyện P, tỉnh An Giang cùng ngày là vô hiệu (hiện xe ô tô trên đã được Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ Công an tỉnh A cấp giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 005031 ngày 14/3/2017 cho ông Huỳnh Văn T2 và đã bị Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân ra quyết định cưỡng chế kê biên phương tiện giao thông số 41/QĐ-CC-THA ngày 05/7/2017 để thi hành án cho nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án theo quy định tại khoản 12 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Do nguyên đơn tranh chấp liên quan đến tài sản đã bị cưỡng chế kê biên để thi hành án, có liên quan đến việc xem xét có căn cứ hủy giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ Công an tỉnh A cấp cho ông T2, tức là hủy quyết định cá biệt của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại khoản 4 Điều 34 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính.

[5] Về nội dung: nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tuyên bố Hợp đồng mua bán xe ô tô ngày 27/02/2017 giữa bà Nguyễn Thị Tuyết H (bên bán) với ông Huỳnh Văn T2 (bên mua) liên quan đến chiếc xe ô tô tải hiệu KIA biển số 67C-002.69 vô hiệu.

Theo lời khai của các đương sự và tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện: Bà H có nghĩa vụ trả cho ông A, bà T số tiền 700.000.000 đồng theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 21/2017/QĐST-DS ngày 03/02/2017 của TAND huyện Phú Tân, tỉnh An Giang; quyết định đã có hiệu lực pháp luật nhưng bà H không tự nguyện thi hành án; ngày 27/02/2017 bà H bán chiếc xe ô tô tải hiệu KIA biển số 67C-002.69 cho ông T2 (ông T2 đã được cấp

GCN đăng ký xe ô tô ngày 14/3/2017); ngày 05/7/2017, Chi cục T ban hành quyết định cưỡng chế kê biên chiếc xe ô tô tải hiệu KIA biển số 67C-002.69 do ông T2 đứng tên GCN đăng ký xe. Do ông T2 không tự nguyện giao chiếc xe ô tô tải hiệu KIA biển số 67C-002.69 để thi hành án theo quy định của pháp luật nên Chi cục T có thông báo cho ông A, bà T khởi kiện về yêu cầu tuyên bố giao dịch mua bán chiếc xe ô tô tải hiệu KIA biển số 67C-002.69 giữa bà H và ông T2 vô hiệu.

Phía bị đơn bà H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T2 không đồng ý vì cho rằng năm 2017 ông T2 đã có giao dịch mua bán xe ô tô tải biển số 67C-002.69 của bà H, giá 150.000.000 đồng, hợp đồng mua bán có công chứng và Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh A cấp giấy chứng nhận (sau đây viết tắt là GCN) đăng ký xe ô tô cho ông vào ngày 14/3/2017. Và riêng bà H khai đã dùng số tiền 150.000.000 đồng trả cho Ngân hàng để lấy giấy tờ của chiếc xe ô tô tải màu trắng (đang thế chấp tại Ngân hàng). Tháng 4/2017, ông A và bà T có đơn yêu cầu thi hành án chiếc xe ô tô tải màu trắng để trừ bớt nợ. Đối với xe ô tô tải biển số 67C-002.69 đã bán cho ông T2 từ lâu nên bà không biết đến, bà xác định bán khoảng giữa năm 2016 nhưng vì ông T2 chưa trả đủ tiền đến năm 2017 mới làm hợp đồng mua bán và sang tên xe. Đối với số tiền nợ còn lại của ông A và bà T khoảng 330.000.000 đồng, bà xin trả dần do không còn tài sản. Ngoài ra, theo ông T2 cho rằng không biết sự việc và thực tế đã trả đủ tiền, nhận xe sử dụng; đến năm 2018 bị ngăn chặn không cho sử dụng xe đã bị thiệt hại. Nay theo nguyện vọng ông T2 muốn sử dụng xe làm từ thiện (cho chở thuốc nam), nên ông sẽ trả cho nguyên đơn số tiền 30.000.000 đồng để được nhận xe, nhưng bà T tại phiên tòa không đồng ý.

Tuy nhiên, qua các tài liệu thu thập tại cơ quan thi hành án thì việc bà H khai không đúng vì số tiền trả cho Ngân hàng để giải chấp xe tải màu trắng biển số 67C-047.23 để bán cho ông Nguyễn Văn S là tiền của ông S trả để mua chiếc xe tải này có giá trị thị trường khoảng 500.000.000 đồng nên sau khi ký hợp đồng mua bán với bà H, ông S đã trả thêm tiền cho ông A, bà T tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân số tiền 200.000.000 đồng ngày 27/7/2017 và Chấp hành viên đã ra Quyết định số 88/QĐ-CCTHADS ngày 27/7/2017 về việc giải tỏa kê biên đối với chiếc xe ô tô loại xe tải biển số 67C-047.23. Do đó, lời khai của bà H tại phiên tòa cho rằng bà bán xe ô tô loại xe tải biển số 67C-047.23 cho ông S giá 200.000.000 đồng nhận tiền ngày 27/02/2017 làm hợp đồng cùng với ông T2, nhưng sau đó do bị kê biên nên bà đã trả lại cho ông S 200.000.000 đồng để ông S nộp cho cơ quan Thi hành án là hoàn toàn không có căn cứ.

Đồng thời, Hội đồng xét xử xét các chứng cứ đã thu thập được nhận thấy:

- Theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận số 21/2017/QĐST-DS ngày 03/02/2017 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang thì bà Nguyễn Thị Tuyết H phải trả cho ông A và bà T số tiền 700.000.000 đồng;

- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Phú Tân đã ban hành Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số: 482/QĐ-CCTHADS ngày 21/02/2017: bà H phải

thi hành án số tiền 700.000.000 đồng cho ông A và bà T và đã tống đạt cho bà H ngày 22/02/2017;

- Ngày 27/02/2017, bà H ký hợp đồng mua bán xe ô tô tải hiệu KIA, biển số 67C-002.69 cho ông Huỳnh Văn T2, chứng thực số 140/2017 quyển số 01 SCT/CK của Văn phòng Công chứng Lục Văn T3, nhưng không sử dụng tiền thu được từ việc bán xe trên để nộp thi hành án cho ông A, bà T;

- Ngày 28/3/2017 Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Phú Tân ban hành Quyết định về việc tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sỡ hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản số 04/QĐC-THADS, tạm dừng 01 xe ô tô tải biển số 67C-00269, đã chuyển quyền sở hửu, sử dụng cho Huỳnh Văn T2.

- Ngày 05/7/2017 Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Phú Tân có Quyết định cưỡng chế, kê biên phương tiện giao thông số 41/QĐ-CCTHA, 01 xe ô tô loại xe tải biển số 67C 00269 đã chuyển quyền sở hữu, sử dụng cho ông Huỳnh Văn T2. Tạm giao cho ông Huỳnh Văn T2 và ông Nguyễn Văn S, quản lý, khai, sử dụng đến khi có quyết định của Cơ quan thi hành án dân sự huyện P.

- Ngày 24/5/2021 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân ra Thông báo số 289/TB-CCTHADS, báo cho ông A, bà T về quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu giữa bà H với ông T2.

Xét thấy, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân đã ban hành Quyết định cưỡng chế, kê biên phương tiện giao thông số 41/QĐ-CCTHA ngày 05/7/2017 và thông báo số 289/TB-CCTHADS ngày 24/5/2021 về quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự liên quan đến tài sản thi hành án vô hiệu là đúng quy định tại Điều 46 Luật sửa, đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự ngày 25/11/2014 để thi hành quyết định là hoàn toàn có cơ sở. Đồng thời theo khoản 1 Điều 24 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự quy định: "1. Kể từ thời điểm bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, nếu người phải thi hành án chuyển đổi, tặng cho, bán, chuyển nhượng, thế chấp, cầm cố tài sản cho người khác mà không sử dụng khoản tiền thu được để thi hành án và không còn tài sản khác hoặc tài sản khác không đủ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án thì tài sản đó vẫn bị kê biên, xử lý để thi hành án, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Khi kê biên tài sản, nếu có người khác tranh chấp thì Chấp hành viên thông báo cho đương sự, người có tranh chấp thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 75 Luật Thi hành án dân sự.

Trường hợp đã bị áp dụng biện pháp ngăn chặn, biện pháp khẩn cấp tạm thời, biện pháp bảo đảm thi hành án, biện pháp cưỡng chế thi hành án mà tài sản bị chuyển đổi, tặng cho, bán, chuyển nhượng, thế chấp, cầm cố cho người khác thì tài sản đó bị kê biên, xử lý để thi hành án; Chấp hành viên có văn bản yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch đối với tài sản đó vô hiệu hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền hủy giấy tờ liên quan đến giao dịch đối với tài sản đó".

Đối chiếu các văn bản trên đây, cho thấy Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân áp dụng các văn bản để thi hành Quyết định công nhận sự thỏa

thuận số 21/2017/QĐST-DS ngày 03/02/2017 của Tòa án nhân dân huyên Phú Tân là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Bà H đã bán xe ô tô tải hiệu KIA biển số 67C-002.69 cho ông T2 nhưng không thông báo cho ông A, bà T biết, cũng như không dùng tiền bán xe để trả nợ cho ông A, bà T nên xác định bà H đã thực hiện hành vi tẩu tán tài sản nhằm trốn tránh thực hiện nghĩa vụ cho ông A, bà H. Từ những phân tích trên, đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định việc bà H bán chiếc xe ô tô tải hiệu KIA biển số 67C - 002.69 theo Hợp đồng mua bán xe ô tô ngày 27/02/2017 cho ông T2 là hợp đồng vô hiệu do vi phạm điều cấm của luật theo Điều 123, khoản 1 Điều 407 Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì hợp đồng mua bán xe ô tô ngày 27/02/2017 giữa bà H và ông T2 vô hiệu, nên tài sản xe ô tô tải hiệu KIA, biển số 67C- 002.69 vẫn xác định là tài sản của bà Tuyết H, vì vậy cần hủy Giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô số 005031, ngày 14/3/2017 của Phòng C2 Công an tỉnh A cấp cho ông Huỳnh Văn T2. Bà Nguyễn Thị Tuyết H có quyền và nghĩa vụ đăng ký quyền sở hữu đối với xe ô tô tải hiệu KIA, biển số 67C- 002.69 tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Do giữa bà H, ông T2 không có yêu cầu tranh chấp giải quyết hậu quả của hợp đồng mua bán xe ô tô tải trên vô hiệu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết; nếu sau này giữa bà H và ông T2 có phát sinh tranh chấp có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

Từ những phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông A, bà T là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận: Tuyên bố giao dịch dân sự mua bán chiếc xe ô tô ngày 27/02/2017 đối với xe ô tô tải hiệu KIA, biển số 67C- 002. 69 giữa bên bán bà Nguyễn Thị Tuyết H với bên mua ông Huỳnh Văn T2 được Văn phòng C1, huyện P, tỉnh An Giang chứng thực số 140/2017 Quyển số 01/SCT/CK ngày 27/02/2017, là vô hiệu; Hủy Giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô số 005031, ngày 14/3/2017 của Phòng C2 Công an tỉnh A cấp cho ông Huỳnh Văn T2. Bà Nguyễn Thị Tuyết H có quyền và nghĩa vụ đăng ký quyền sở hữu đối với xe ô tô tải hiệu KIA, biển số 67C- 002.69 tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Do yêu cầu được chấp nhận nên ông A, bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông A, bà T được nhận lại số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004002 ngày 07/6/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Phú Tân.

- Bà H phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho ông Huỳnh Văn T2 số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0004296 ngày 09/02/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Phú Tân.

- Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Tuyết H số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0004295 ngày 09/02/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Phú Tân.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 12 Điều 26; Điều 34, Điều 37; khoản 1 Điều 147; khoản 1 và 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 123, khoản 1 Điều 407 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự;

- Các Điều 46, 69, 70, 71, 72, 73, 74 và 75 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi; bổ sung năm 2014;

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Ngọc A và bà Nguyễn Thị Diễm T.

- Tuyên bố hợp đồng mua bán chiếc xe ô tô ngày 27/02/2017 đối với xe ô tô tải hiệu KIA, biển số 67C- 002.69 giữa bên bán bà Nguyễn Thị Tuyết H với bên mua ông Huỳnh Văn T2 được Văn phòng C1, huyện P, tỉnh An Giang chứng thực số 140/2017 Quyển số 01/SCT/CK ngày 27/02/2017 là vô hiệu;

- Hủy Giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô tải hiệu KIA, số 005031, ngày 14/3/2017 của Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ Công an tỉnh A cấp cho ông Huỳnh Văn T2;

- Bà Nguyễn Thị Tuyết H có quyền và nghĩa vụ đăng ký quyền sở hữu đối với xe ô tô tải hiệu KIA, biển số 67C- 002.69 tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Đỗ Ngọc A, bà Nguyễn Thị Diễm T được nhận lại số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004002 ngày 07/6/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Phú Tân.

- Bà Nguyễn Thị Tuyết H phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho ông Huỳnh Văn T2 số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0004296 ngày 09/02/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Phú Tân.

- Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Tuyết H số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0004295 ngày 09/02/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Phú Tân.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV và THA tỉnh;
- Chi cục THA DS huyện Phú Tân;
- Cục THA DS tỉnh An Giang;
- Văn phòng;
- Tòa Dân sự;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Minh Châu